

TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 73/2025/DS-PT

Ngày: 16/4/2025

V/v: Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Anh Dũng.

Các Thẩm phán: Ông Lê Minh Tuấn và bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Vi Thị Yến - Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Trang - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 và 16 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 18/2025/TLPT-DS ngày 14/02/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 73/2025/QĐ-PT ngày 27 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Đoàn Thị Minh T, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, phường H, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Chỗ ở hiện nay: Thôn D, xã H, huyện HT, tỉnh Bình Thuận.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, phường O, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nguyễn Thị Thúy A, sinh năm 1990 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố 6, phường O, Tp P, tỉnh Bình Thuận.

Người đại diện theo ủy quyền của bà A: Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố 06, phường O, Tp P, tỉnh Bình Thuận (theo Hợp đồng ủy quyền ngày 06/8/2024).

Người kháng cáo: Bị đơn Ông Nguyễn Thanh H.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo hồ sơ án sơ thẩm thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

- *Nguyên đơn bà Đoàn Thị Minh T trình bày:* Ngày 10/6/2020, ông Nguyễn Thanh H có vay của bà số tiền là 825.000.000 đồng. Sau khi thỏa thuận thì bà với ông Nguyễn Thanh H đã ra Văn phòng công chứng Trần Ngọc Du ở xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam để ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 000748, quyền số 01TP/CC-SCC-HĐGD. Khi ông H hỏi vay thì nói là vay tiền để đáo hạn ngân hàng nhưng khi ký hợp đồng vay thể hiện là vay tiền để kinh doanh theo quy định của pháp luật; thời hạn vay tiền là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng; lãi suất là 0%/tháng. Tuy nhiên khi đến hạn thì ông H không thanh toán nên bà yêu cầu ông H và bà Nguyễn Thị Thúy A (là vợ của ông H) cùng liên đới trả cho bà số tiền là 825.000.000 đồng và tiền lãi tính từ ngày tiếp theo kể từ ngày hết thời hạn vay cho đến khi trả hết nợ, với lãi suất là 01%/tháng.

- *Bị đơn ông Nguyễn Thanh H trình bày:* Ông thừa nhận ngày 10/6/2020 ông có ký Hợp đồng vay tiền số công chứng 000748, quyền số 01TP/CC-SCC-HĐGD với bà T tại Văn phòng công chứng Trần Ngọc Du ở xã Hàm Mỹ, huyện Hàm Thuận Nam. Theo hợp đồng vay tiền thì mục đích vay tiền để kinh doanh theo quy định của pháp luật; thời hạn vay tiền là 45 ngày kể từ ngày ký hợp đồng công chứng; lãi suất là 0%/tháng. Tuy nhiên đây là số tiền ông vay dùm ông Phạm C chứ bà T không đưa cho ông số tiền 825.000.000 đồng nên ông không đồng ý thanh toán số tiền này cho bà T vì ông không nhận tiền từ bà T.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị Thúy A ông Nguyễn Thanh H trình bày: Việc ông ký hợp đồng vay tiền với bà T, vợ ông là bà Nguyễn Thị Thúy A không hay biết. Cho đến khi ông C bỏ trốn thì ông mới nói cho bà A biết sự việc.

Do bà A không biết gì về hợp đồng vay tiền giữa ông và bà T nên bà T yêu cầu bà A cùng liên đới trả nợ thì với tư cách là đại diện cho bà A ông không đồng ý.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết đã quyết định:

Căn cứ khoản 2 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463; khoản 1 Điều 466; Điều 468; Điều 357 của Bộ luật dân sự; khoản 20 Điều 3; khoản 2 Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24; khoản 1, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Minh T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H trả cho bà Đoàn Thị Minh T tổng số tiền tính đến ngày 13/9/2024 là 1.164.864.250 (*một tỷ một trăm sáu mươi bốn triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi*) đồng (trong đó bao gồm tiền vay là 825.000.000 (*tám trăm hai mươi lăm triệu*) đồng và tiền lãi là 339.864.250 (*ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi*) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền và nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 26/9/2024 ông Nguyễn Thanh H kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu của bà Đoàn Thị Minh T.

Ngày 04/10/2024, bà Đoàn Thị Minh T đã có đơn kháng cáo một phần bản án sơ thẩm với nội dung yêu cầu cấp phúc thẩm buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải có trách nhiệm liên đới trong việc thanh toán nợ và việc cấp sơ thẩm buộc bà phải chịu án phí đối với phần chênh lệch không được chấp nhận là không phù hợp. Tuy nhiên do kháng cáo của bà Đoàn Thị Minh T là quá thời hạn theo quy định nên ngày 23/01/2025, Tòa án nhân dân tỉnh Bình Thuận đã có Quyết định số 05/2025/QĐ-PT về việc không chấp nhận kháng cáo quá hạn của bà Đoàn Thị Minh T.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử, thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự tham gia tố tụng chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Tòa án cấp sơ thẩm tuyên buộc bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn số tiền gốc và lãi là phù hợp nên đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn. Tuy nhiên cấp sơ thẩm không buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thực hiện thanh toán tiền cho bà T là chưa phù hợp và tuyên lãi suất chậm thi hành án kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm là không đúng. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Thuận, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn ông Nguyễn Thanh H kháng cáo trong thời hạn và đúng quy định pháp luật nên vụ án được xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

- Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thụ lý giải quyết là đúng quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Trong đơn kháng cáo và tại phiên tòa, bị đơn cho rằng số tiền nguyên đơn yêu cầu phía bị đơn thanh toán thực chất là số tiền mà hai bên đã thực hiện việc chuyển nhượng quyền sử dụng đất và số tiền này là tiền ông đã nhận thay cho ông Phạm C nhưng hiện nay ông C đã bỏ trốn nên đề nghị Hội đồng xét xử bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Theo Hợp đồng vay tiền ngày 10/6/2020 thì ông Nguyễn Thanh H đã ký hợp đồng để vay của bà Đoàn Thị Minh T số tiền là 825.000.000đồng, thời hạn vay là 45 ngày và không có lãi suất; mục đích vay là để kinh doanh đã được công chứng số 000748, quyển số 01TP/CC-SCC-HĐGD điều này cũng đã được ông Nguyễn Thanh H thừa nhận. Tuy nhiên ông Nguyễn Thanh H cho rằng mặc dù hai bên ký hợp đồng vay tiền nhưng thực chất là do ông C chưa trả lại tiền chuyển nhượng đất nên ông C có năn nỉ ông ký hợp đồng vay tiền với bà T và trong khoảng 3 ngày thì ông C trả lại số tiền trên nhưng do ông C không trả nên ông chưa trả cho bà T và ông không nhận tiền vay từ bà T.

Tại thời điểm ký hợp đồng vay tiền thì ông H và bà T có đầy đủ năng lực hành vi dân sự, điều hiểu được nội dung của hợp đồng và việc ông H ký hợp đồng vay tiền là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc và hợp đồng đã được công chứng nên ông Nguyễn Thanh H phải chịu trách nhiệm đối với toàn bộ nội dung mà mình đã ký kết. Việc ông cho rằng số tiền này là do ông C mượn của ông thì đây là một mối quan hệ pháp luật khác và thực tế thì ông C cũng đã xác nhận nợ với vợ chồng ông H bà A nên ông H bà A có quyền yêu cầu đối với ông C. Bên cạnh đó ông H cho rằng hai bên chỉ ký kết hợp đồng mà ông không được nhận tiền là không có căn cứ bởi lẽ tại mục 2 Điều 2 của hợp đồng vay tiền đã thể hiện rõ bên A cho bên B vay bằng tiền mặt và giao nhận tiền một lần. Bên A giao tiền cho bên B ngày khi hai bên ký hợp đồng này, vì vậy nếu bà T không giao tiền thì ông có quyền yêu cầu hủy bỏ hợp đồng vay nhưng từ ngày 10/6/2020 cho đến ngày bà T khởi kiện thì ông Nguyễn Thanh H không có ý kiến gì.

Đối với việc ông cho rằng tòa án cấp sơ thẩm xét xử không đúng với quan hệ pháp luật thấy rằng: Ngày 01/12/2020, bà Đoàn Thị Minh T đã có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết gồm “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” và “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất” nên Tòa án cấp sơ thẩm đã thụ lý hai mối quan hệ pháp luật là đúng, tuy nhiên đến ngày 29/12/2020, bà T đã có đơn

thay đổi yêu cầu khởi kiện và chỉ yêu cầu giải quyết đối với số tiền vay theo hợp đồng vay hai bên đã ký kết nên khi xét xử, Tòa án chỉ xác định một mối quan hệ pháp luật có tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đúng quy định của pháp luật.

Từ những phân tích nêu trên có thể khẳng định ông Nguyễn Thanh H đã ký hợp đồng và vay của bà Đoàn Thị Minh T số tiền 825.000.000đồng nhưng vẫn chưa thanh toán do vậy bà T yêu cầu ông H thanh toán số tiền trên và lãi suất chậm trả theo quy định là đúng.

Đối với nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán nợ: Ông Nguyễn Thanh H trình bày, việc ký hợp đồng vay mượn và mua bán, chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa ông với bà T thì vợ ông là bà A không biết, quá trình giải quyết vụ án thì bà T cũng trình bày là bà biết ông Nguyễn Thanh H có vợ nhưng vợ ông H không tham gia trong các giao dịch giữa bà và ông Nguyễn Thanh H và cũng không có căn cứ để xác định số tiền vay đã sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu thiết yếu của gia đình nên không có cơ sở để buộc bà Nguyễn Thị Thúy A phải có nghĩa vụ liên đới trong việc thanh toán số nợ trên cho bà T.

Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông Nguyễn Thanh H trả nợ gốc và tiền lãi cho bà Đoàn Thị Minh T là hoàn toàn có căn cứ. Tại cấp phúc thẩm, ông Nguyễn Thanh H không cung cấp thêm được tài liệu chứng cứ gì mới nên kháng cáo của đương sự không có căn cứ để Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận như quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp.

Đối với việc cấp sơ thẩm tuyên lãi suất chậm trả: “*Kể từ ngày 14/9/2024 cho đến khi thi hành án xong, ông Nguyễn Thanh H tiếp tục phải chịu khoản tiền lãi chậm trả tương ứng lãi suất 0,83%/tháng của số tiền còn phải thi hành án, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*” là chưa phù hợp do vậy cần phải điều chỉnh lại cách tuyên cho phù hợp theo hướng dẫn tại Nghị Quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải nộp án phí dân sự phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Nguyễn Thanh H. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 137/2024/DS-ST ngày 13/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận.

2. Căn cứ: Điều 147, Khoản 1 Điều 148, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 và Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 4 Điều 26, khoản 1 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Đoàn Thị Minh T.

Buộc ông Nguyễn Thanh H phải trả cho bà Đoàn Thị Minh T 825.000.000đồng (*tám trăm hai mươi lăm triệu đồng*) tiền vay và 339.864.250 đồng (*ba trăm ba mươi chín triệu tám trăm sáu mươi bốn nghìn hai trăm năm mươi đồng*) tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 46.945.928 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bà Đoàn Thị Minh T phải chịu 3.480.538 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ vào 18.675.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009846 ngày 17/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hàm Thuận Bắc. Hoàn trả lại cho bà Đoàn Thị Minh T 15.194.462đồng.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm:

- Ông Nguyễn Thanh H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai số 0002084 ngày 03/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Phan Thiết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Những quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 16/4/2025)./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- TAND tp Phan Thiết;
- Chi Cục THADS tp Phan Thiết;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT-TANDTC
- Lưu: HS; Tòa DS; Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Anh Dũng